

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 35CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302501 - Th c t p kh o s t thi t k H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TST 100%	ñ I M THI	QUY TS : 100%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010690	35CCĐ2	Nguy n Kh ã nh	Bình	08/12/1993									6.0	6.0	6.0	
2	3571010767	35CCĐ1	Nguy n Minh	C nh	06/11/1993									9.0	9.0	9.0	
3	3571010779	35CCĐ1	L 2 H ng	C ng	29/03/1992									6.0	6.0	6.0	N HP
4	3571010741	35CCĐ1	L 2 ã c	C ng	27/07/1992									7.0	7.0	7.0	
5	3571010214	35CCĐ2	Phan Qu c	C ng	01/02/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
6	3571010021	35CCĐ2	Nguy n ã nh	Chánh	10/05/1993									6.0	6.0	6.0	
7	3571010257	35CCĐ1	Ph ã ng Th Kim	Chi	17/09/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
8	3571010650	35CCĐ1	Nguy n V ã nh	Chi n	25/01/1991									5.0	5.0	5.0	N HP
9	3571010001	35CCĐ2	Nguy n Th ã nh	Duy	10/09/1993									5.0	5.0	5.0	
10	3571010654	35CCĐ1	L 2 Vi t	D ã ng	17/07/1992									6.0	6.0	6.0	
11	3571010213	35CCĐ2	Nguy n Tr ng	D ng	09/05/1992									8.0	8.0	8.0	
12	3571011174	35CCĐ1	V H ã c	ñ o	19/06/1993									7.0	7.0	7.0	
13	3571010687	35CCĐ2	L 2 T n	ñ t	03/03/1993									7.0	7.0	7.0	
14	3571010587	35CCĐ2	Ph ã ng V ã nh	ñ t	19/09/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
15	3571010228	35CCĐ2	Ng » Ti n	ñ i p	26/03/1993									6.0	6.0	6.0	
16	3571010221	35CCĐ2	Ph m Xu a n	ñ » ng	06/01/1993									6.0	6.0	6.0	
17	3571010088	35CCĐ1	Nguy n V ã nh	ñ c	02/09/1991									8.0	8.0	8.0	N HP
18	3571010238	35CCĐ2	Ph m V ã nh	ñ c	24/01/1992									7.0	7.0	7.0	
19	3571010783	35CCĐ1	Ph m Vi t	ñ c	24/08/1993									8.0	8.0	8.0	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302501 - Th c t p kh o s t thi t k H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ñ I M THI	QUY TS : 100%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010251	35CCĐ1	Nguy n Huy H i	28/07/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
21	3571010010	35CCĐ2	Nguy n Thanh H i	23/03/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
22	3571010042	35CCĐ2	D ng Minh H o	19/02/1992									5.0	5.0	5.0	N HP
23	3571010775	35CCĐ1	ñ ng Ph ¼	H nh 09/12/1992									9.0	9.0	9.0	
24	3571010748	35CCĐ1	ñ @ Ph ¼	Hi p 11/03/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
25	3571010682	35CCĐ2	ñ o @ H u	Hi p 18/07/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
26	3571010025	35CCĐ2	L ² Kh c	Hoàng 04/12/1993									5.0	5.0	5.0	N HP
27	3571010769	35CCĐ1	Nguy n V ã	Hoàng 06/11/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
28	3571010644	35CCĐ1	VHO	Hoàng 20/09/1993									6.0	6.0	6.0	
29	3571010016	35CCĐ2	Nguy n Tu n	Huy 04/01/1992									8.0	8.0	8.0	
30	3571010019	35CCĐ2	Nguy n M nh	Hùng 24/04/1993									7.0	7.0	7.0	
31	3571010773	35CCĐ1	Nguy n Ph c	Hùng 29/12/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
32	3571011817	35CCĐ2	Nguy n Ti n	Hùng 01/01/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
33	3571010031	35CCĐ2	Nguy n Thanh	Hùng 07/06/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
34	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng 25/05/1993									8.0	8.0	8.0	
35	3571010788	35CCĐ1	Nguy n H u	H ng 29/06/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
36	3571010680	35CCĐ2	D Thanh	Kha 20/01/1993									5.0	5.0	5.0	
37	3571010656	35CCĐ1	Nguy n Ho @ VHO	Kha 31/08/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
38	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng	Kha 01/10/1993									7.0	7.0	7.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017302501 - Th c t p kh o s ấ t thi t k H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY T S T ấ %	ấ I M TH ấ	QUY T S : 100%	ấ I M TK	GHI CH ấ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010218	35CCĐ2	Tr n Anh Khoa	09/08/1993									7.0	7.0	7.0	
40	3571010252	35CCĐ1	Nguy n Ng c Kh ng	09/01/1992									9.0	9.0	9.0	
41	3571010219	35CCĐ2	Nguy n H u T ng L ấ m	15/06/1993									6.0	6.0	6.0	
42	3571010220	35CCĐ2	Lê Xu ấ n Long	02/09/1991									7.0	7.0	7.0	
43	3571010762	35CCĐ1	Ph m T n L c	28/06/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
44	3571010754	35CCĐ1	Lê Ho ấ i Nam	07/04/1993									7.0	7.0	7.0	
45	3571010224	35CCĐ2	Nguy n Tr ấ Nam	12/06/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
46	3571010020	35CCĐ2	Tr n Nguy n Ngh ấ	20/04/1993									7.0	7.0	7.0	
47	3571010751	35CCĐ1	Lê Xu ấ n Nguy ấ n	12/11/1993									7.0	7.0	7.0	N HP
48	3571010209	35CCĐ2	Phan T Nh ấ n	24/02/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
49	3571010645	35CCĐ1	Nguy n Ng c Nh t	21/09/1993									8.0	8.0	8.0	
50	3571010647	35CCĐ1	Tr n Trung Nh t	20/10/1993									9.0	9.0	9.0	N HP
51	3571010111	35CCĐ2	Tr n L Ph ấ t	10/03/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
52	3571010044	35CCĐ2	Phan Th Phong	18/04/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
53	3571010003	35CCĐ2	Nguy n V ấ Nh Ph n	10/04/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
54	3571010668	35CCĐ1	H Qu c Ph ng	20/09/1993									6.0	6.0	6.0	
55	3571010230	35CCĐ2	L ấ T n Ph ng	17/10/1992									6.0	6.0	6.0	
56	3571010217	35CCĐ2	Nguy n V ấ Nh Ph ng	19/01/1993									8.0	8.0	8.0	
57	3571010785	35CCĐ1	Nguy n Ng c Qu ấ n	14/04/1993									5.0	5.0	5.0	N HP

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 132017302501 - Th c t p kh o s t thi t k H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ñI M THI	QUY TS : 100%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng S n	02/10/1993									9.0	9.0	9.0	N HP
59	3571010222	35CCĐ2	L ² T t S ng	12/05/1993									0.0	0.0	0.0	N HP
60	3571010758	35CCĐ1	Nguy n T n Tài	01/09/1993									7.0	7.0	7.0	
61	3371010411	35CCĐ1	Nguy n Vi t Tài	29/10/1990									6.0	6.0	6.0	N HP
62	3571010793	35CCĐ1	D ng Th ½nh Tâm	18/11/1993									8.0	8.0	8.0	
63	3571010738	35CCĐ1	Ph m Minh Tân	27/07/1993									7.0	7.0	7.0	
64	3571010234	35CCĐ2	Tr n Quang Tân	07/12/1993									8.0	8.0	8.0	
65	3571010657	35CCĐ1	Tr n V ã Tân	08/08/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
66	3571010225	35CCĐ2	Ngô Minh T n	21/10/1993									7.0	7.0	7.0	
67	3571010610	35CCĐ2	Nguy n Ng c Tu n	11/11/1993									8.0	8.0	8.0	
68	3571010275	35CCĐ2	Phan V ã Tu	24/04/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
69	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh Tùng	11/01/1993									6.0	6.0	6.0	
70	3571010766	35CCĐ1	Ki u Thi t T ng	14/10/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
71	3571010781	35CCĐ1	ñ Ti n Thành	16/04/1992									6.0	6.0	6.0	N HP
72	3571011158	35CCĐ1	Lê Xuân Thành	30/04/1992									6.0	6.0	6.0	
73	3571010789	35CCĐ1	Tr n M nh Th ng	08/12/1992									7.0	7.0	7.0	N HP
74	3571010239	35CCĐ2	V ½ Chi n Th ng	01/08/1993									8.0	8.0	8.0	N HP
75	3571010254	35CCĐ1	Tr n Ho ½ng Thi n	01/12/1992									6.0	6.0	6.0	N HP
76	3571010212	35CCĐ2	Tr n C ½ng Thích	03/08/1993									6.0	6.0	6.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấT : H c ph n : 132017302501 - Th c t p kh o s t thi t k H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ấI M THI	QUY TS : 100%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010237	35CCĐ2	Ph m T n	Th nh	20/10/1993									8.0	8.0	8.0	
78	3571010215	35CCĐ2	Tr n ấ c	Th i	20/01/1992									7.0	7.0	7.0	
79	3571010233	35CCĐ2	Nguy n Th ấ ng	Thu n	01/06/1993									8.0	8.0	8.0	
80	3571010660	35CCĐ1	Bùi Thanh	V ấ	15/01/1993									8.0	8.0	8.0	
81	3571010229	35CCĐ2	Nguy n Ph ¾c L a m	Viên	31/01/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
82	3571010757	35CCĐ1	ấ Thanh	Vi t	20/01/1992									7.0	7.0	7.0	N HP
83	3571010211	35CCĐ2	L ² Ng c	V I O	18/11/1993									7.0	7.0	7.0	
84	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh	V ng	10/04/1992									7.0	7.0	7.0	N HP
85	3571010746	35CCĐ1	L ² Ng c	V ng	20/12/1993									7.0	7.0	7.0	
86	3571010235	35CCĐ2	Tr ng Minh	V ng	02/12/1993									6.0	6.0	6.0	N HP
87	3571010133	35CCĐ2	Ph m Th	Y n	04/10/1993									9.0	9.0	9.0	

T ng s : 87 h c sinh sinh vi² n
Tr ng KhoaGi o Vi² n B M nGi o V Khoa
Tp.HCM, ngày / /